

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan;
2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Dương Thúy D , sinh ngày 20/02/1980, nơi cư trú: xã V , huyện T , tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huang Huo H, sinh ngày 19/9/1958, nơi cư trú: Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Đỗ Dương Thúy D trình bày:

Vào năm 2011, bà được người chị ở Đài Loan giới thiệu với ông H , bà và ông H đã tìm hiểu và đi đến hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào ngày 28/8/2011 và có đăng ký kết hôn Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyền số 01 ngày 25/8/2011 tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Sau khi đăng ký kết hôn ông H làm thủ tục bảo lãnh sang định cư Đài Loan, do phỏng vấn không đạt nên ông H không qua Việt Nam và từ đó đến nay bà không liên lạc được với ông H , mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông H đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và đã có kết quả ủy thác gửi hồ sơ ủy thác tại đồn Công an nhưng đến nay ông H vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông H hiện tại đang cư trú tại Đai Loan, nguyên đơn cư trú: xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Bị đơn ông H đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án và đã có kết quả ủy thác gửi hồ sơ ủy thác tại đồn Công an nhưng đến nay ông H vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà Đỗ Dương Thúy D và ông H do mai mối rồi tiến tới kết hôn và đăng ký kết hôn Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyển số 01 ngày 25/8/2011 tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Theo lời khai của nguyên đơn sau khi cưới ông H đã trở về Đai Loan, không bảo lãnh bà qua Đai Loan để chung sống và từ năm 2011 đến nay vợ chồng không liên lạc, về tình cảm của vợ chồng không được vun đắp và ngày càng trở nên phai nhạt do hoàn cảnh địa lý cách xa. Mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyên đơn có yêu cầu ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông H không đạt được nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà đối với ông H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà Đỗ Dương Thúy D xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà D và ông H trong thời kỳ

hôn nhân thì bà Đỗ Dương Thúy D và ông H phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Dương Thúy D;

1. Bà Đỗ Dương Thúy D được ly hôn với ông H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyền số 01 ngày 25/8/2011 tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc bà Đỗ Dương Thúy D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Đỗ Dương Thúy D và ông H trong thời kỳ hôn nhân thì bà Đỗ Dương Thúy D và ông H phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đỗ Dương Thúy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2016/0012378 ngày 23/10/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Đỗ Dương Thúy D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Đỗ Dương Thúy D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0000956 ngày 26/10/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Đỗ Dương Thúy D đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Thời hạn kháng cáo của bà Đỗ Dương Thúy D là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông H là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân nhân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – THA;
- Tòa Hôn nhân và Người chưa thành niên;
- Văn phòng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ